

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) công bố công bố siết nới lỏng định lượng như dự báo nhưng vẫn giữ nguyên lãi suất ở mức thấp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CTG, PC1

[Cập nhật công ty]

PVT, GAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

04/11/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,448.34 | +0.28 |
| VN30 | 1,528.21 | -0.16 |
| HĐTL VN30F1M | 1,529.80 | +0.09 |
| HNXIndex | 422.42 | +1.61 |
| HNX30 | 682.80 | +2.11 |
| UPCoM | 107.38 | +0.37 |
| USD/VND | 22,718 | -0.11 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.13 | -2 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.64 | +9 |
| Dầu (WTI, \$) | 81.02 | +0.20 |
| Vàng (LME, \$) | 1,776.12 | +0.35 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,448.34 (+0.28%)

KLGD (triệu CP) 929.5 (-34.1%)

GTGD (triệu US\$) 1,226.9 (-35.4%)

HNXIndex 422.42 (+1.61%)

KLGD (triệu CP) 140.2 (-38.4%)

GTGD (triệu US\$) 165.0 (-27.5%)

UPCoM 107.38 (+0.37%)

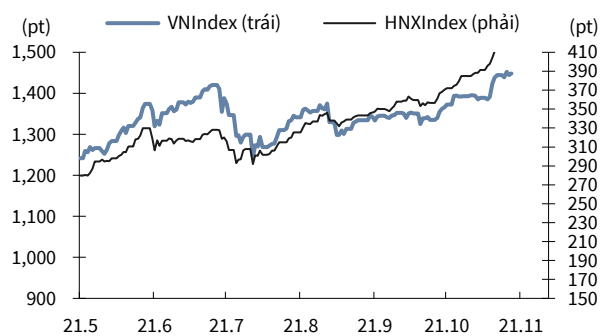
KLGD (triệu CP) 105.9 (-39.6%)

GTGD (triệu US\$) 93.6 (-36.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.3

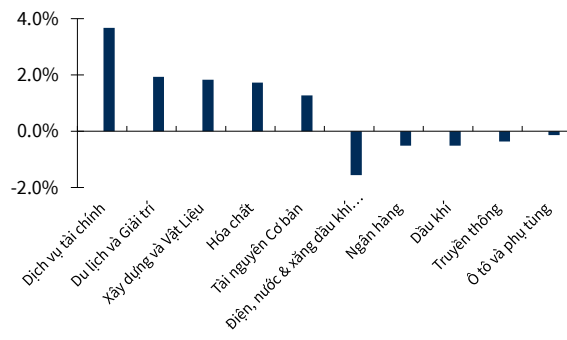
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) công bố công bố siết nới lỏng định lượng như dự báo nhưng vẫn giữ nguyên lãi suất ở mức thấp. Giá dầu giảm mạnh sau khi dự trữ dầu thô tại Mỹ tăng mạnh hơn dự báo tác động tiêu cực đến cổ phiếu ngành dầu khí ở PVS (-2.4%), PVD (-0.2%). Cục Xuất nhập khẩu dự báo thời gian tới giá heo hơi tiếp tục phục hồi, nhưng sẽ không có biến động lớn do lượng tiêu thụ heo vẫn còn thấp và dịp Tết nguyên đán là thời điểm được kỳ vọng giá heo hơi tăng bởi nhu cầu của người dân cao giúp cổ phiếu nông nghiệp tăng giá ở DBC (+0.3%). Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, nhu cầu tôm cỡ lớn của Mỹ đang hồi phục, Mỹ cũng có nhu cầu cao với sản phẩm tôm thịt tươi/đông lạnh của Việt Nam và dự kiến từ nay đến cuối năm, XK tôm Việt Nam sang Mỹ sẽ tiếp tục tăng, đà tăng trưởng này sẽ kéo dài đến quý I/2022 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở MPC (+3.2%), FMC (+0.4%). Khối ngoại bán ròng ở PAN (+4.4%), SSI (+3.1%), GEX (+6.9%).

VNIndex & HNXIndex



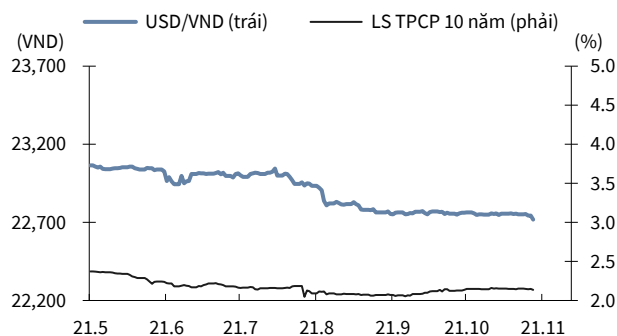
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

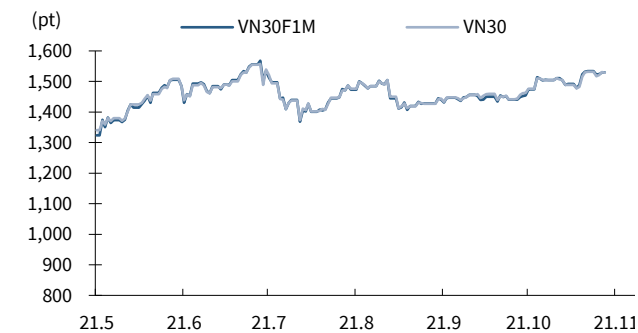
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,528.21 (-0.16%) |
| VN30F1M | 1,529.8 (+0.09%) |
| Mở cửa | 1,530.5 |
| Cao nhất | 1,535.2 |
| Thấp nhất | 1,523.1 |

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức -0.15, sau đó diễn biến giằng co trong biên độ rộng mức -3.5 và 3.2, và đóng cửa ở mức -1.5. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

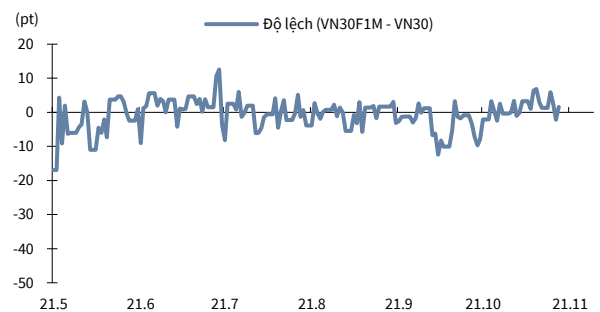
| | |
|------------------|-------------------------|
| KLGD (HĐ) | 137,109 (-21.6%) |
|------------------|-------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



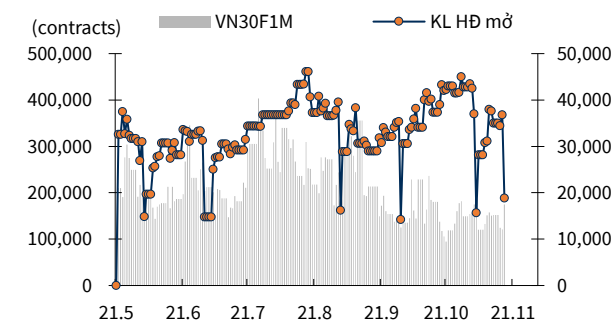
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



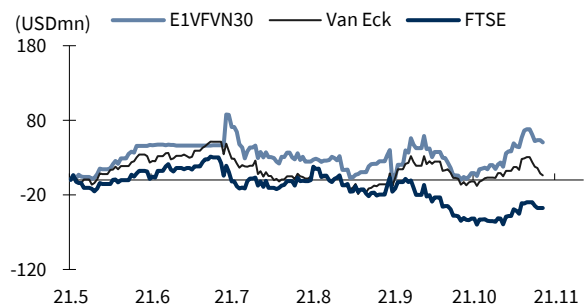
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

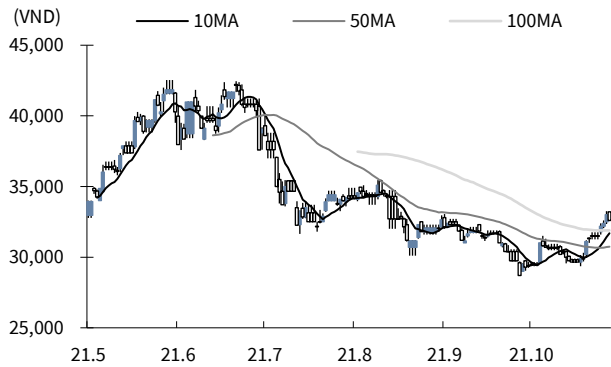
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)

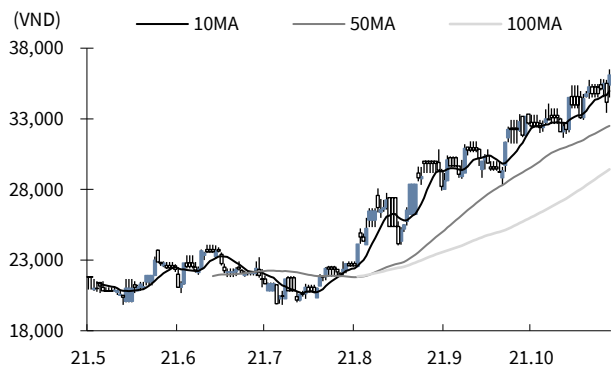


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG giảm 1.21% lên 32,600 VND/cp

- Tại ĐHCĐ bất thường, lãnh đạo VietinBank cho biết đến 31/10, tăng trưởng tín dụng của ngân hàng đạt 8%, tổng tài sản ngân hàng tăng 8.1% và hệ số an toàn vốn đạt hơn 9%. Dự kiến cuối năm 2021, ngân hàng sẽ đưa tỷ lệ nợ xấu về 1.4%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 169% và chi phí dự phòng rủi ro dự kiến 17,000 tỷ đồng.

CTCP Xây lắp Điện I (PC1)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PC1 tăng 5.71% lên 36,100 VND/cp

- CTCP Xây lắp điện I công bố KQKD quý 3/2021 với lợi nhuận 156 tỷ đồng (-12% YoY) và doanh thu 3,131 tỷ đồng (+90% YoY). Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận giảm do tình hình thủy văn chưa được thuận lợi dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp của hoạt động bán điện giảm so với cùng kỳ.

04/11/2021

Chuyên viên phân tích doanh nghiệp
Lê Anh Tùng
Tung.la@kbsec.com.vn

Tổng công ty Vận Tải Dầu Khí

KQKD quý 3 giảm do dịch bệnh Covid-19

KQKD quý 3 giảm do đại dịch COVID - 19

— Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT) công bố BCTC hợp nhất Q3/2021 với doanh thu thuần đạt khoảng 1.6 nghìn tỷ đồng (-9.6% YoY) và LNST của cổ đông Công ty mẹ đạt khoảng 94 tỷ đồng (-13.6 %YoY). Sự suy giảm đến từ (1) nhu cầu vận chuyển giảm trong giai đoạn giãn cách xã hội; và (2) phát sinh thêm chi phí hoạt động liên quan tới công tác phòng chống dịch Covid-19. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần và LNST của cổ đông Công ty mẹ lần lượt đạt khoảng 5.3 nghìn tỷ đồng (+0.7%YoY) và khoảng 468 tỷ đồng (+32.6% YoY).

Đầu tư và mua thêm 5 tàu

— Tính tới thời điểm hiện tại, công ty đã đầu tư và thuê mua thêm 5 tàu mới bao gồm: tàu NV Aquamarine chở khí hoá lỏng VLGC, tàu PVT Azura, tàu PVT Dawn, tàu Shamrock Jupiter và tàu PVT ORIANA. Theo kế hoạch tại ĐHCĐ, Tổng công ty mẹ và các công ty thành viên sẽ đầu tư thêm khoảng 14 tàu mới trong những năm tới, trong đó hướng tới các tàu vận tải dầu thô lớn cỡ VLCC, Aframax, tàu khí hóa lỏng VLGC và các tàu sản phẩm cỡ trung 15,000-20,000 DWT. Tuy nhiên với tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khách hàng phục vụ chính là nhà máy lọc dầu Nghi Sơn chưa đạt công suất tối ưu, chúng tôi cho rằng PVT sẽ hoãn kế hoạch mua tàu VLCC tới nửa cuối năm 2022 so với nửa cuối năm 2021 như trước đây.

Chúng tôi kì vọng KQKD khả quan trong Q4/2021

— Chúng tôi kì vọng KQKD khả quan của PVT trong Q4/2021 đến từ (1) nhu cầu vận chuyển trong nước phục hồi; (2) giá cước vận tải tăng cao theo nhu cầu vận tải thế giới; (3) đóng góp vào lợi nhuận của các tàu mới và (4) PVT có thể ghi nhận lợi nhuận từ việc thanh lý tàu chở dầu thô Athena.

Tổng công ty Khí Việt Nam

KQKD quý 3 tích cực nhờ giá dầu tăng mạnh

KQKD quý 3 tích cực nhờ giá dầu tăng cao

— Tổng CTCP Khí Việt Nam (GAS) công bố BCTC hợp nhất Q3/2021 với doanh thu thuần đạt 18,543 tỷ đồng (tăng 16.3% YoY) và LNST của cổ đông của công ty mẹ đạt khoảng 2.4 nghìn tỷ đồng (tăng 19.4 %YoY). Mặc dù sản lượng tiêu thụ khí giảm mạnh trong quý 3 do giãn cách cách xã hội tại các tỉnh khu vực phía Nam, nhưng lợi nhuận của công ty vẫn tích cực nhờ yếu tố giá khí đầu ra tăng mạnh theo giá dầu thế giới. Tính đến thời điểm cuối quý 3, giá dầu brent ở mức 78 USD/thùng, cao hơn gần 86% so với mức trung bình của 2020 (xấp xỉ 42 USD/thùng). Trong 9T21, GAS ghi nhận LNST của cổ đông của công ty mẹ đạt 6.7 nghìn tỷ đồng (tăng 9.5% YoY).

— Tổng giá trị giải ngân cho công tác đầu tư xây dựng 9 tháng đầu năm của PV GAS ở mức cao. Trong đó, Công ty mẹ giải ngân 3,546 tỷ đồng (tập trung chuỗi dự án Nam Côn Sơn, LNG); toàn PV GAS giải ngân vốn đầu tư 9 tháng là 3,992 tỷ đồng. Kết quả giải ngân của Công ty mẹ đạt 101% kế hoạch 9 tháng.

— Thành lập liên doanh dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ với AES

— PVGas đã thực hiện ký kết thỏa thuận liên doanh thành lập công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ với AES. Công suất kho cảng giai đoạn 1 là 3.6 triệu tấn/năm và có thể lên tới 6 triệu tấn cho giai đoạn tiếp theo. Kho cảng sẽ tiếp nhận, xử lý và cung cấp khí LNG tái hóa làm nhiên liệu cho 2 nhà máy điện Sơn Mỹ 1 và Sơn Mỹ 2, dự kiến được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2025.

— Trong kế hoạch 15 năm tới, GAS đầu tư mạnh mẽ vào các kho cảng LNG, bắt đầu từ kho cảng Thị Vải đi vào hoạt động từ Q4/2022. Trong báo cáo Quy hoạch điện VIII của Việt Nam giai đoạn 2020 – 2030, công suất điện sản xuất bằng LNG sẽ tăng lên 18.5GW vào năm 2030 từ mức con số 0 hiện nay.

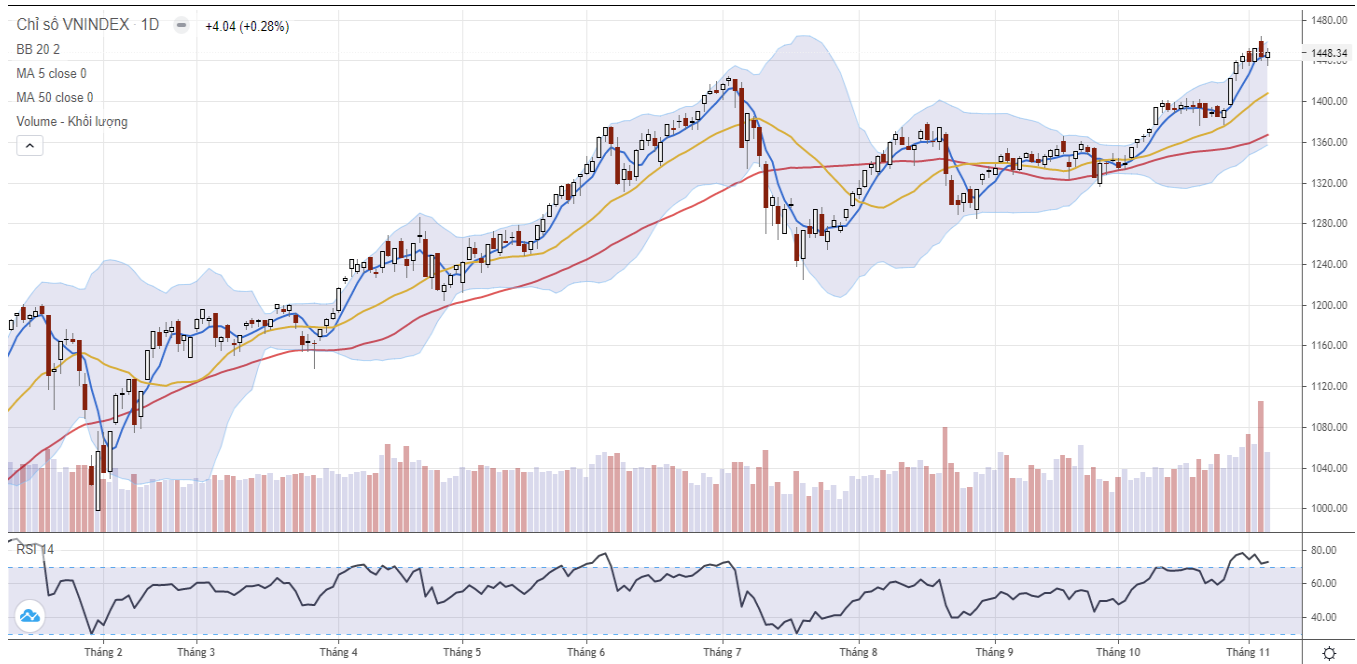
— Chúng tôi kì vọng KQKD tích cực trong Q4/2021

— Chúng tôi kì vọng KQKD khả quan của GAS trong Q4/2021 đến từ (1) giá dầu thế giới vẫn giữ ở nền giá cao và (2) sản lượng tiêu thụ khí thô hồi phục của khu công nghiệp và các nhà máy điện sau khi nới bỏ giãn cách vào cuối Q3. Trong trung và dài hạn, chúng tôi tin rằng GAS là điểm sáng khi trở thành nhà cung cấp LNG hàng đầu tư năm 2022.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

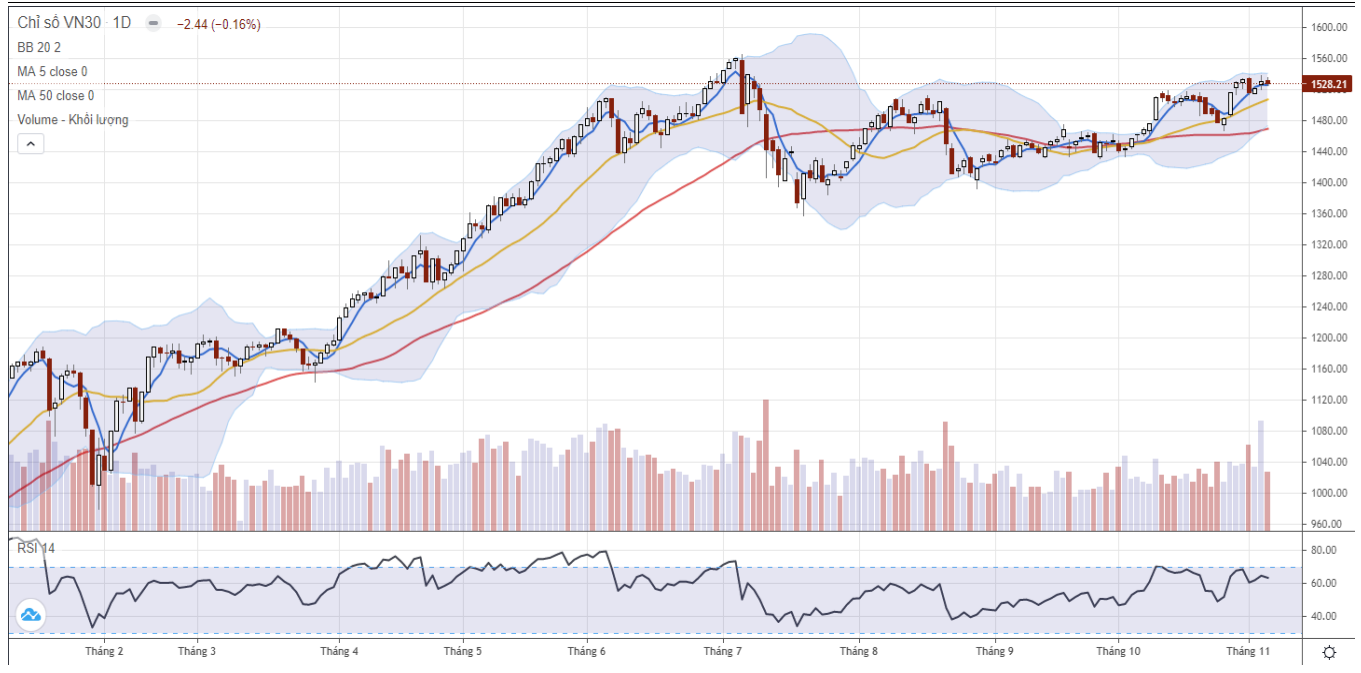
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



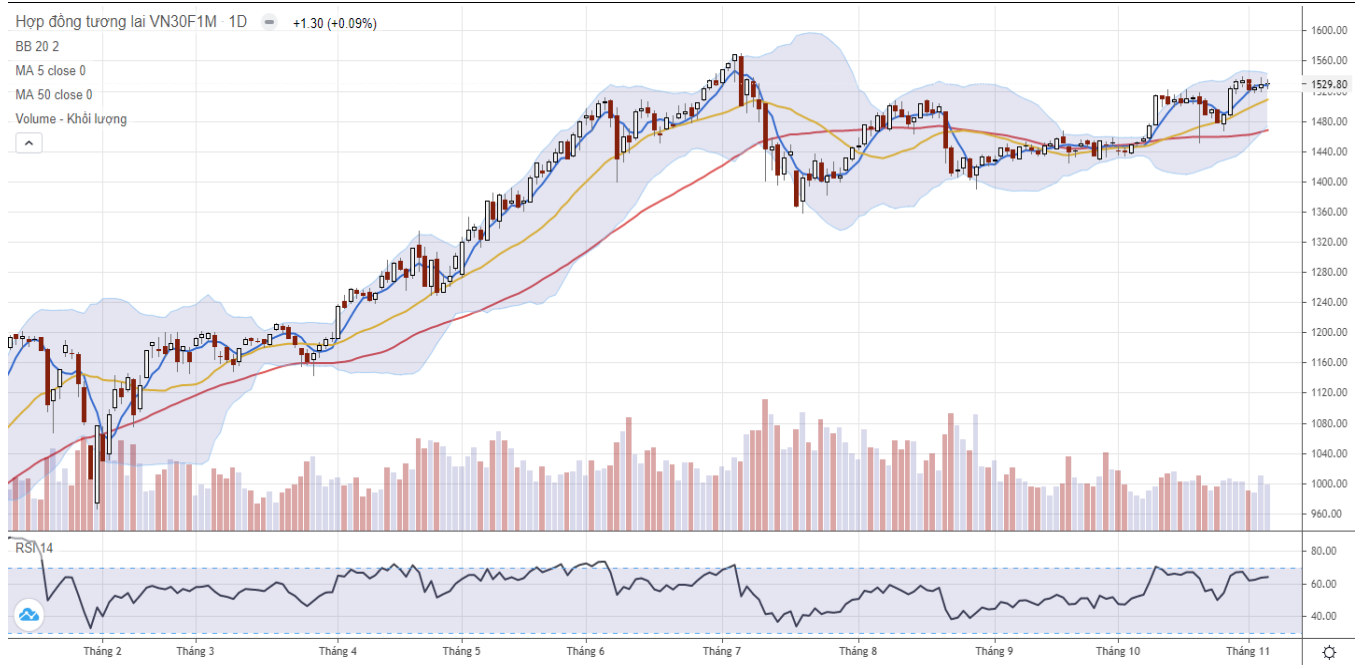
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc, điều chỉnh đầu phiên trước khi phục hồi và giằng co về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy sớm xuất hiện giúp cho chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn sau một nhịp sụt giảm mạnh. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự gần quanh 145x, cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục của chỉ số là hiện hữu chừng nào vùng hỗ trợ quanh 1420 vẫn được giữ vững.
- NĐT có thể tiếp tục quay vòng, mở lại vị thế trading ngắn hạn khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ để cập nhưng cần khống chế tỷ trọng tổng tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1541 - 1545

Kháng cự gần: 1532 - 1537

Hỗ trợ gần: 1520 - 1523

Hỗ trợ xa: 1511 - 1515

— F1 diễn biến rung lắc trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen.

— Lực cầu bắt đáy sớm xuất hiện giúp cho chỉ số lấy lại trạng thái cân bằng hơn sau một nhịp sụt giảm mạnh. Mặc dù các nhịp rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự gần quanh 154x, cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục của chỉ số là hiện hữu chừng nào vùng hỗ trợ quanh 1500 vẫn được giữ vững.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Stop vị thế Long đã mở nếu F1 phá vỡ vùng hỗ trợ gần nhưng kê mở lại khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

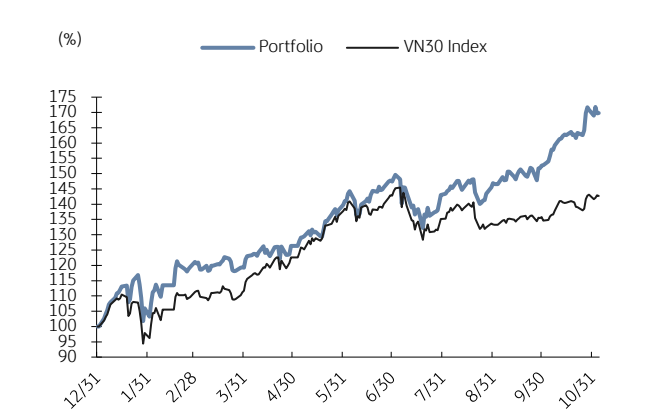
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.16% | 0.01% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 42.72% | 69.77% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 04/11/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 129,900 | 0.9% | 66.7% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 60,100 | 3.8% | 136.8% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 104,000 | -0.5% | 36.3% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 28,900 | -0.9% | 131.6% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 70,800 | -2.1% | 112.6% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 96,000 | -0.1% | 230.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 32,600 | -1.2% | 74.6% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 117,100 | -2.4% | 63.5% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 56,300 | 1.3% | 284.1% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbạc City Development (KBC) | 09/03/2020 | 48,650 | 1.4% | 250.4% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| CTG | -1.2% | 24.6% | 68.2 |
| VHM | -0.2% | 22.9% | 61.7 |
| FUEVFNVD | -0.1% | 98.8% | 53.9 |
| HCM | 5.3% | 46.7% | 50.7 |
| VCB | -0.3% | 23.5% | 46.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|----------|--------------|-----------------------|-------------------|
| CTG | -1.2% | 24.6% | 68.2 |
| VHM | -0.2% | 22.9% | -56.3 |
| FUEVFNVD | -0.1% | 98.8% | -39.7 |
| HCM | 5.3% | 46.7% | 21.6 |
| VCB | -0.3% | 23.5% | -3.4 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | 3.3% | 17.1% | 3.1 |
| SHS | 5.6% | 7.9% | 2.6 |
| CLH | -0.7% | 1.1% | 0.9 |
| KLF | 0.0% | 1.1% | 0.7 |
| PPS | -0.7% | 22.9% | 0.7 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | -2.4% | 7.7% | -15.5 |
| PDB | -10.0% | 4.6% | -9.1 |
| IDJ | 10.0% | 1.2% | -1.6 |
| IVS | 2.1% | 73.8% | -0.8 |
| L14 | -9.9% | 0.0% | -0.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 8.4% | VND, VCI |
| Ngân hàng | 3.0% | BID, CTG |
| Xây dựng và Vật Liệu | 2.7% | HBC, DPG |
| Truyền thông | 1.9% | ADG, PNC |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 1.2% | GEX, TMS |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -4.9% | GAS, VSH |
| Dầu khí | -3.3% | PLX, PVD |
| Tài nguyên Cơ bản | -3.1% | HPG, HSG |
| Bảo hiểm | -2.7% | BVH, BMI |
| Du lịch và Giải trí | -2.5% | VJC, HVN |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 14.2% | VND, VCI |
| Xây dựng và Vật Liệu | 11.9% | VGC, DPG |
| Truyền thông | 8.2% | ADG, YEG |
| Hóa chất | 8.0% | GVR, DPM |
| Bất động sản | 7.5% | VIC, VHM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | -1.9% | HVN, DAH |
| Dầu khí | 0.2% | PLX, PVD |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.1% | HSG, POM |
| Y tế | 1.8% | VMD, PME |
| Bán lẻ | 1.8% | MWG, DGW |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND tỷ, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 205,195 (9.0) | 22.5 | 60.5 | 47.7 | 14.7 | 5.0 | 5.7 | 3.9 | 3.7 | -0.3 | 0.0 | 8.2 | -1.2 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 521,399 (22.9) | 26.6 | 10.6 | 10.1 | 35.9 | 33.1 | 27.0 | 3.1 | 2.4 | -0.2 | 2.1 | 6.0 | 20.1 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 202,708 (8.9) | 17.8 | 36.1 | 20.6 | -7.6 | 6.9 | 10.5 | 2.4 | 2.3 | -0.5 | 1.8 | 11.7 | 0.5 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068 | 86,712 (3,768) | 330,433 (14.5) | 31.3 | 36.0 | 21.0 | 6.7 | 18.0 | 16.3 | 4.3 | 3.6 | -1.1 | -3.5 | 2.0 | 116.2 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 166,006 (7.3) | 11.6 | 28.3 | 20.5 | 18.0 | 12.3 | 14.7 | 3.2 | 2.7 | 0.5 | -4.1 | 15.5 | 78.1 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 194,777 (8.6) | 13.9 | 14.3 | 9.8 | - | 14.5 | 18.5 | 2.0 | 1.6 | 0.0 | -3.3 | 22.6 | 68.0 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 103,461 (4.5) | 6.3 | 18.5 | 14.5 | 11.7 | 19.7 | 20.1 | 3.2 | 2.5 | -0.3 | 0.5 | 4.0 | 0.5 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 71,686 (3.2) | 12.7 | 19.0 | 13.5 | -5.3 | 13.2 | 16.8 | 2.0 | 1.9 | 2.2 | 10.4 | 13.1 | -8.1 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 864,121 (38.0) | 0.0 | 11.0 | 9.3 | 14.3 | 20.6 | 20.1 | 2.1 | 1.7 | -0.7 | 2.9 | 10.2 | 69.2 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 326,084 (14.3) | 1.4 | 10.0 | 8.1 | 61.1 | 18.5 | 20.3 | 1.5 | 1.3 | -1.2 | 4.2 | 13.6 | 21.8 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 370,159 (16.3) | 0.0 | 13.3 | 11.3 | 18.8 | 18.5 | 16.6 | 2.2 | 1.8 | -1.0 | -1.6 | 8.6 | 110.5 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 306,166 (13.5) | 0.0 | 9.1 | 7.6 | 14.6 | 22.0 | 22.3 | 1.7 | 1.4 | -0.9 | 1.4 | 6.6 | 71.2 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 80,307 (3.5) | 4.2 | 9.8 | 8.5 | 23.3 | 21.9 | 21.0 | 1.8 | 1.5 | -0.6 | 5.9 | 12.2 | 42.4 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 352,648 (15.5) | 14.0 | 15.3 | 10.8 | 26.5 | 10.6 | 12.3 | 1.5 | 1.3 | -1.6 | 2.8 | 13.0 | 62.4 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 179,701 (7.9) | 0.0 | 10.3 | 8.6 | 37.5 | 22.6 | 20.3 | 2.0 | 1.6 | -1.0 | -1.5 | 4.2 | 63.2 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 9,206 (0.4) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -1.5 | 8.3 | 15.6 | 32.7 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 103,569 (4.6) | 21.0 | 26.7 | 25.8 | 15.8 | 8.7 | 8.6 | 2.2 | 2.1 | 0.0 | -3.2 | 6.7 | -3.8 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 45,497 (2.0) | 14.2 | 18.6 | 19.2 | 9.1 | 12.0 | 12.0 | 2.1 | 1.9 | 1.7 | -3.3 | 8.4 | 75.5 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 488,029 (21.5) | 55.4 | 16.5 | 14.8 | -3.2 | 17.3 | 17.7 | - | - | 3.1 | 5.4 | 11.4 | 96.7 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 332,102 (14.6) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | 5.1 | 12.5 | 29.1 | 147.1 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 165,959 (7.3) | 52.4 | - | - | -25.5 | - | - | - | - | 5.3 | 8.1 | 13.6 | 74.8 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 390,597 (17.2) | 27.2 | 14.0 | 23.7 | 36.3 | - | - | 4.7 | 4.3 | 6.9 | 13.5 | 31.8 | 240.3 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 306,856 (13.5) | 42.1 | 18.6 | 17.2 | 4.0 | 32.8 | 34.1 | 5.7 | 5.4 | 0.2 | -2.4 | -2.0 | -18.8 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 23,665 (1.0) | 36.9 | 25.7 | 21.4 | 7.3 | 21.2 | 23.0 | 4.9 | 4.4 | -0.5 | 4.4 | 10.8 | -11.9 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 148,640 (6.5) | 16.5 | 50.4 | 28.8 | -51.9 | 18.1 | 22.9 | 8.9 | 6.8 | 1.6 | -2.5 | 4.7 | 66.4 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 41,331 (1.8) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -0.8 | -1.6 | 4.0 | -48.4 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 113,811 (5.0) | 11.0 | - | 36.3 | -88.5 | 0.4 | 16.2 | - | - | -0.2 | -2.9 | -1.7 | 3.7 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 194,535 (8.5) | 10.8 | 29.7 | 20.7 | -57.0 | 9.3 | 12.6 | 2.5 | 2.3 | 0.6 | -2.7 | 3.2 | 56.1 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 116,938 (5.1) | 38.4 | 42.7 | 13.5 | 65.7 | 3.1 | 8.4 | 1.3 | 1.3 | 1.8 | 3.2 | 22.8 | 7.0 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 65,191 (2.9) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | 0.5 | 3.6 | 6.2 | 130.4 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 17,224 | 10,411 (452) | 227,943 (10.0) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.1 | 12.7 | - | - | 6.9 | 17.5 | 33.8 | 72.2 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 23,339 (1.0) | 3.6 | 36.4 | 17.7 | -52.4 | 1.8 | 3.7 | 0.6 | 0.6 | 0.1 | 0.1 | 2.3 | -7.9 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 45,729 (2.0) | 0.0 | 13.3 | 11.2 | -4.5 | 13.2 | 14.1 | 1.6 | 1.6 | -2.1 | -6.8 | 1.4 | 44.6 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|------------------------------------|-------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 234,590 (10.3) | 46.1 | 24.2 | 19.6 | -17.5 | 18.7 | 21.4 | 4.4 | 4.0 | -2.4 | -6.3 | 12.6 | 35.2 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 26,436 (1.2) | 31.4 | 13.2 | 10.7 | -10.5 | 11.2 | 11.9 | 1.5 | 1.5 | -0.4 | -5.1 | 2.3 | -8.5 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 6,467 (0.3) | 34.1 | 19.8 | 11.8 | -5.1 | 7.3 | 12.6 | 1.5 | 1.5 | 0.4 | -0.2 | -2.5 | -5.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,468,672 (64.5) | 18.0 | 7.9 | 8.0 | 21.9 | 41.4 | 29.4 | 2.7 | 2.0 | 1.3 | -2.9 | 1.4 | 83.4 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 333,459 (14.7) | 36.5 | 15.8 | 20.5 | -0.5 | 15.7 | 10.6 | 2.1 | 2.0 | 2.3 | -4.0 | 25.5 | 150.3 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 229,606 (10.1) | 46.5 | 21.9 | 20.7 | -4.5 | 13.3 | 13.6 | 2.6 | 2.5 | 0.6 | -1.9 | 15.7 | 134.6 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 489,458 (21.5) | 38.9 | 6.8 | 7.0 | 67.9 | 26.8 | 21.5 | 1.6 | 1.4 | 1.9 | -4.6 | -5.9 | 127.4 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 113,197 (5.0) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | -0.6 | -1.8 | 5.7 | 26.8 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 94,935 (4.2) | 4.6 | 18.4 | 16.2 | -51.0 | 16.3 | 17.3 | 2.8 | 2.8 | -0.6 | -3.8 | -2.0 | -3.5 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 239,306 (10.5) | 39.9 | 823.1 | 26.3 | -11.9 | 0.0 | 3.4 | 0.9 | 0.8 | -0.2 | 0.2 | 22.0 | 73.1 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 129,227 (5.7) | 35.9 | 11.7 | 10.2 | 1.2 | 14.6 | 14.9 | 1.6 | 1.4 | 0.0 | -2.2 | 3.1 | 76.8 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 175,323 (7.7) | 0.0 | 19.2 | 14.8 | 13.7 | 24.7 | 27.4 | 4.3 | 3.7 | 0.9 | -1.6 | 2.9 | 63.9 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 64,167 (2.8) | 0.0 | 22.5 | 18.3 | 2.4 | 19.8 | 22.2 | 4.3 | 3.7 | -0.5 | 2.4 | 5.3 | 28.4 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 4,261 (0.2) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 1.3 | 0.3 | 6.6 | -64.9 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 82,564 (3.6) | 30.3 | 44.9 | 27.9 | -75.2 | 8.0 | 12.1 | 3.5 | 3.3 | 3.4 | 4.8 | 15.7 | 70.0 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 62,375 (2.7) | 34.6 | 21.6 | 10.6 | 41.2 | 13.6 | 27.3 | 2.8 | 2.6 | 4.4 | 7.8 | 27.5 | 5.2 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 2,496 (0.1) | 45.4 | 17.9 | 16.9 | 10.7 | 19.9 | 20.3 | 3.5 | 3.1 | -0.7 | -0.4 | 1.7 | -2.6 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 187 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | 0.0 | 0.1 | -0.5 | 7.3 |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 227,826 (10.0) | 0.0 | 21.3 | 17.8 | 15.5 | 24.0 | 25.0 | 4.5 | 4.0 | -0.1 | -2.0 | 1.5 | 86.8 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.